TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-PT
Ngày 19/7/2021
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú

Bà Vũ Thị Nga

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Thư, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số phúc thẩm số: 19/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do có Quyết định giám đốc thẩm số 17/2021/DS-GĐT ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐ-PT ngày 10/6/2021, vụ án giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1956 (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Hoàng Minh S (Hoàng Văn S), sinh năm 1961 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị B, sinh năm 1960 (có mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đào Thị B, sinh năm 1960 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961 (vắng mặt);
- Anh Hoàng Xuân Ch, sinh năm 1982 (có mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình P - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện T. (vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hoàng Văn Th trình bày:

Năm 1960, cụ Nguyễn Thị Đ (là mẹ của ông và ông Hoàng Minh S) được thừa hưởng thửa đất thổ cư tại thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên của bố mẹ cụ Đ để lại. Năm 1987, cụ Đ chia cho ông Th và ông S mỗi người một nửa thửa đất nêu trên (không lập văn bản), ông Th được chia phần đất phía Đông, ông S được chia phần đất phía Tây. Ngày 30/2/2004, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 498m2 đất, ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 407m2 đất nhưng mang tên anh Hoàng Văn Ch (là con của ông Th).

Ông Th cho rằng cụ Đ chia đôi đất cho 2 anh em nhưng Ủy ban nhân dân huyện T lại cấp quyền sử dụng đất cho ông S với diện tích nhiều hơn ông Th là không đúng ý nguyện của cụ Đ. Ngoài ra, thửa đất của ông nhưng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Ch là không đúng. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S phải trả cho ông 45,5m2 đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên ông S và mang tên anh Ch.

Bị đơn là ông Hoàng Minh S (do bà B là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất và việc cụ Đ cho ông S và ông Th đất như ông Th đã trình bày. Năm 1987, cụ Đ chia cho ông S và ông Th mỗi người một nửa thửa đất thổ cư của cụ. Lúc đầu, ông Th nhận phần đất phía Tây có ngôi nhà 3 gian lợp ngói của cụ Đ nhưng do phần đất được chia có tranh chấp với gia đình ông Nguyễn Văn A nên ông Th lại lấy phần đất phía Đông để vợ chồng ông S nhận phần đất phía Tây. Sau khi nhận đất, ông Th làm nhà và công trình phụ giáp với mốc giới đất giữa hai nhà. Năm 1990, ông S xây 15m tường bao nối với dãy công trình phụ của ông Th để ngăn đất nhà ông S thành khuôn viên riêng. Năm 2002, vợ chồng ông S đòi được phần đất gia đình ông A lấn chiếm nên khi làm GCNQSDĐ thì diện tích đất của gia đình ông S nhiều hơn diện tích đất của gia đình ông Th. Cùng năm, khi làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, vợ chồng ông S không có nhà nên ông S ủy quyền cho anh Hoàng Văn Ch ký biên bản đo đạc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất. Năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông S với diện tích 498m2.

Ông S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th. Do ông Th đã phá 15m tường gia đình ông xây ngăn giữa hai nhà đồng thời xây tường bao mới lấn sang đất nhà ông 22m2 nên ông S có yêu cầu phản tố buộc ông Th phải trả cho

gia đình ông 22m2 đất và buộc ông Th phải xây lại 15m tường bao theo đúng ranh giới cũ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Cụ Nguyễn Thị Đ trình bày: Cụ được thừa kế của bố mẹ để lại hơn 900m2 đất ở thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Năm 1987, cụ chia đôi thửa đất cho ông Th và ông S mỗi anh em một nửa. Sau này Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông S và anh Ch không đúng ý nguyện của cụ nên cụ đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ của ông S và anh Ch, chia đôi thửa đất cho ông Th và ông S.

Ngày 23/4/2017, cụ Đ chết, Tòa án đưa bà Hoàng Thị T là con gái cụ Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà T xác định gia đình bà có 3 chị em gồm bà, ông Th và ông S. Việc cụ Đ đã chia đất cho ông Th và ông S, bà không tranh chấp với ông Th, ông S và bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị C (là vợ của ông Th) trình bày: Bà xác định bà không liên quan việc cụ Đ chia đất cho ông Th và ông S nên bà không có yêu cầu và từ chối tham gia tố tụng.

Anh Hoàng Văn Ch trình bày: Anh không được ông Hoàng Văn Th (là bố của anh) cho đứng tên GCNQSDĐ. Cán bộ thôn, xã tự điền tên anh vào biên bản và đến nhà đưa cho anh ký tên, sau đó làm thủ tục cấp GCNQSDĐ mang tên anh. Do đó, anh Ch nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Th, đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp mang tên anh để cấp lại cho ông Th.

Ủy ban nhân dân xã S (do người đại diện) trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị Đ được thừa hưởng của bố mẹ cụ để lại. Theo bản đồ 299 (đo vẽ năm 1987) thì đất tranh chấp thể hiện là thửa số 216 diện tích 550m2 loại đất thổ cư và thửa số 218 (tờ bản đồ số 5) diện tích 275m2 loại đất ao, mang tên cụ Nguyễn Thị Đ.

Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1990 thể hiện số thửa 221, tờ bản đồ số 4 diện tích 851m2. Sổ mục kê năm 1990 thể hiện số thửa 221, diện tích 425m2 (loại đất thổ cư) mang tên ông Hoàng Văn Th; thửa 221b, diện tích 425m2 (loại đất thổ cư) mang tên ông Hoàng Văn S.

Bản đồ đo đạc năm 2002 thể hiện thửa số 29, tờ bản đồ số 25, diện tích 407m2 (loại đất thổ cư) mang tên anh Hoàng Văn Ch và thửa số 30, tờ bản đồ số 25, diện tích 498m2 (loại đất thổ cư) mang tên ông Hoàng Văn S.

Ngày 30/9/2004, Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn S và anh Hoàng Văn Ch có diện tích đất theo bản đồ đo đạc năm 2002. Ngày 22/3/2006, ông Th đến Ủy ban nhân dân xã S nộp tiền và nhận GCNQSDĐ nhưng không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/12/2017, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn Th.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Minh S.

Xác định ông Hoàng Văn Th được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 437,8m2 tại tờ bản đồ số 25, thửa số 29 bản đồ địa chính xã S với tứ cận: Phía Nam giáp đường làng thôn B, phía Bắc giáp đất hộ bà Bùi Thị Ng, phía Đông giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Tr và hộ ông Bùi Văn B, phía Tây giáp đất hộ ông Hoàng Minh S.

Xác định ông Hoàng Minh S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 476m2 tại tờ bản đồ số 25 thửa số 30 bản đồ địa chính xã S với tứ cận: Phía Nam giáp đường làng thôn B, phía Bắc giáp hộ bà Bùi Thị Ng, phía Đông giáp đất hộ ông Hoàng Văn Th, phía Tây giáp đất hộ ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn A (có sơ đồ kèm theo).

Hủy GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ anh Hoàng Văn Ch diện tích 407m2 ngày 30/9/2004, số vào sổ 01561/QSDĐ/648/QĐ-UB. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T cấp lại GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn Th, Hoàng Minh S theo đúng quy định.

Ngày 28/12/2017, ông S và bà B kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2018/DS-PT ngày 31/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh S và bà Đào Thị B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Th.

Giữ nguyên GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Hoàng Văn S (tức Hoàng Minh S) ngày 30/9/2004, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01561/QSDĐ/648/QĐ-UB có diện tích 498m2 tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 25 thôn Bà Hàng, xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T đính chính lại thông tin chữ lót trong họ và tên của ông Hoàng Minh S trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chính xác.

Ranh giới sử dụng đất hộ gia đình ông Hoàng Minh S được xác định theo GCNQSDĐ nêu trên, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất hộ ông Hoàng Văn Th dài (15,2 + 29,6)m; phía Tây giáp đất hộ ông Nguyễn Văn A và hộ ông Nguyễn Văn Hồi dài (21,5 + 20,7 +6,2)m; phía Bắc giáp đất hộ bà Đào Thị Ng dài 9,4m; phía Nam giáp đường làng dài 11,0m.

Buộc hộ ông Hoàng Văn Th phải tháo dỡ toàn bộ bức tường bao và các hạng mục công trình khác lấn sang đất của hộ ông Hoàng Minh S để trả lại cho

hộ ông Hoàng Minh S 22m2 đất theo ranh giới, mốc đất của hộ ông S đã được cấp GCNQSDĐ ngày 30/9/2004.

Bức tường hộ gia đình ông Th phải tháo dỡ gồm các đoạn (14,07 + 6,81 + 9,60 + 3,91 + 0,53 + 10,28)m (có sơ đồ kèm theo).

Ngày 30/6/2018, ông Th có đơn đề nghị xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2018/DS-PT ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Tại báo cáo số 02/VKS-BCKN-P9 ngày 25/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2018/DS-PT ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại Quyết định số 33/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 26/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2018/DS-PT ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 17/2021/DS-GĐT ngày 22 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2018/DS-PT ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Hoàng Văn Th và bị đơn ông Hoàng Văn S cùng 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm cả ông Th và bà B đều xác định diện tích theo hiện trạng nhà ông S có diện tích 476 m^2 , nhà ông Th có diện tích 437.8 m^2 tổng diện tích là 913.8 m^2 có nguồn gốc là của cụ Đ. Quá trình sử dụng ông S và ông Th không nhận chuyển quyền sử dụng của ai và cũng không được ai tặng cho thêm. Khi cụ Đ còn sống cụ Đ chia đôi thửa đất trên cho ông Th và ông S.

<u>Tại phiên tòa:</u>

Các đương sự vẫn giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày trên. Bà B đại diện theo ủy quyền của ông S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu gia đình ông Th phải xây trả gia đình bà phần đất có diện tích 22 m^2 và xây trả gia đình bà bức tường mà gia đình bà đã xây từ năm 1990 do ông Th phá vào vị trí bức tường cũ là ranh giới cũ giữa hai nhà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Minh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Minh S vắng mặt, nhưng đã ủy quyền cho bà Đào Thị B, về phía UBND huyện T, bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị C vắng mặt, nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt những người trên là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Minh S:

[2.1] Về kháng cáo yêu cầu ông Hoàng Văn Th phải trả gia đình nhà ông 22 m^2 lấn chiếm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Về nguồn gốc thửa đất gia đình ông Th và gia đình ông S đang sử dụng: Các đương sự đều xác định theo biên bản hiện trạng thì phần diện tích đất gia đình ông Th đang sử dụng là 437.8m^2, phần diện tích đất gia đình ông S đang sử dụng 476m^2. Tổng diện tích là 913.8m^2 tại tờ bản đồ số 25, thửa số 30, vị trí thửa đất tại Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên là của cụ Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ ông Th và ông S) được hưởng của bố mẹ đẻ để lại, quá trình ông Th và ông S sử dụng không nhận chuyển quyền sử dụng của ai. Lời khai của các đương sự, phù hợp với cung cấp của UBND xã S cung cấp xác định cả hai thửa đất trên có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị Đ. Nên có căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất trên có nguồn gốc là của cụ Đ.

[2.1.2] Xét quá trình dịch chuyển chủ sử dụng: Cả ông Th và ông S và bà B đều xác định khi cụ Đ còn sống đã phân chia cho ông Th và ông S mỗi người một nửa. Lời khai của các đương sự phù hợp với lời khai của cụ Đ khi còn sống cụ Đ cũng xác định cụ có cho ông S và ông Th mỗi người một nửa. Như vậy trong tổng diện tích đất trên ông Th và ông S mỗi người được 913.8m^2 : 2 = 456.9m^2. Trong khi đó về phía ông Th chỉ yêu cầu được nhận 437.8 m^2 theo hiện trạng (thiếu 19.1m^2) trong khi đó về phía gia đình ông S theo biện bản hiện

trạng được 476m^2 (thừa 19.1 m^2). Như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện T cấp cho gia đình ông S có diện tích là 498m^2 là không phù hợp với ý chí của chủ sử dụng đất là cụ Đ, mặt khác về phía UBND huyện T xác định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S không thể hiện có hồ sơ chuyển quyền sử dụng, không có văn bản chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất từ cụ Đ sang hộ ông S là không đúng thủ tục nên không có căn cứ xác định cụ Đ cho ông S phần đất có diện tích 498m^2**.** Như vậy việc ông Th yêu cầu được nhận phần đất như hiện trạng có diện tích 437.8 m^2 là có cơ sở chấp nhận. Do đó, ông S kháng cáo yêu cầu ông Th phải trả ông 22 m^2 đất để đủ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 498 m^2 không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của ông S yêu cầu ông Th phải xây dựng lại bức tường mà ông đã xây từ năm 1990 do ông S xây vào vị trí bức tường cũ là ranh giới cũ giữa hai nhà, Hội đồng xét xử xét thấy:Theo biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ thì bức tường đó không còn. Hơn nữa như phân tích ở mục [2.1] trên phần bức tường cũ không phải là ranh giới giữa hai thửa đất nên yêu cầu kháng cáo trên của ông S không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện T đã cấp cho anh Hoàng Văn Ch của ông Th:

Theo anh Ch xác định việc cán bộ thôn, xã tự điền tên anh vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ và đến nhà đưa cho anh ký tên, sau đó làm thủ tục cấp GCNQSDĐ mang tên anh. Về phía UBND huyện T xác định hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho anh Ch không thể hiện có hồ sơ chuyển quyền sử dụng, không có văn bản chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất từ cụ Đ sang anh Ch là không đúng thủ tục, nên việc UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho anh Ch là không đúng. Do đó ông Th yêu cầu hủy GCNQSDĐ mang tên anh Hoàng Văn Ch là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khỏa 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Minh S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện T là có căn cứ.

[4] Về án phí: Ông Hoàng Minh S kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 98, Điều 99, 100, khoản 2 Điều 105; Điều 106, 166, 170, 202 và Điều 203 Luật đất đai; Điều 15 và Điều 194 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 29

Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh S và bà Đào Thị B.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên như sau:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn Th.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Minh S.

Xác định ông Hoàng Văn Th được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 437,8m2 tại tờ bản đồ số 25, thửa số 29 bản đồ địa chính xã S với tứ cận: Phía Nam giáp đường làng thôn B, phía Bắc giáp đất hộ bà Bùi Thị Ng, phía Đông giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Tr và hộ ông Bùi Văn B, phía Tây giáp đất hộ ông Hoàng Minh S.

Xác định ông Hoàng Minh S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 476m2 tại tờ bản đồ số 25 thửa số 30 bản đồ địa chính xã S với tứ cận: Phía Nam giáp đường làng thôn B, phía Bắc giáp hộ bà Bùi Thị Ng, phía Đông giáp đất hộ ông Hoàng Văn Th, phía Tây giáp đất hộ ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn A (có sơ đồ kèm theo).

Hủy GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ anh Hoàng Văn Ch diện tích 407m2 ngày 30/9/2004, số vào sổ 01561/QSDĐ/648/QĐ-UB. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T xem xét cấp lại GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn Th, Hoàng Minh S theo đúng quy định.

3. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Hoàng Văn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.125.000đ theo biên lai thu số 003861 ngày 30/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bị đơn ông Hoàng Minh S phải chịu 660.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 004154 ngày 01/12/2017 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004170 ngày 29/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông S còn phải nộp tiếp 360.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Hữu Tăng